

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 6 năm 2019.

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Sửu
2. Bà Lữ Thị Khăm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông: Hoàng Thái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Quang Thị N**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Vi Văn M**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt vì lý do hiện đang thi hành hình phạt tù tại Đội 3, Phân trại số 2, Trại giam NA, huyện TP, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) đề ngày 18/4/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quang Thị N trình bày: Chị Quang Thị N và anh Vi Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến ngày 24/12/2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm về thủ tục và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng vài năm sau anh M nghiện ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, chửi bới xúc phạm lẫn

nhau. Từ năm 2018 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do anh Vi Văn M nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018 anh Vi Văn M bị Tòa án xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chị Quang Thị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn M.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có hai người con chung tên là Vi Thị HT, sinh ngày 03/6/2005 và Vi May Th, sinh ngày 02/8/2012. Hiện cả hai cháu đang sống cùng với chị tại bản N, xã C, huyện KS. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Vi Văn M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh Vi Văn M hiện đang đi thi hành hình phạt tù tại Đội 3, Phân trại số 2, Trại giam NA thuộc xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành ủy thác thác thu thập chứng cứ và được anh Vi Văn M cung cấp bản tự khai như sau: Về thời gian và điều kiện kết hôn thống nhất như chị Nhung trình bày, vợ chồng lấy nhau năm 2004 và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Thấy rằng tình cảm của anh và chị Nhung đang còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Quang Thị N; về con: vợ chồng có hai người con chung tên là Vi Thị HT, sinh năm 2005 và Vi May Th, sinh năm 2012, hiện nay do đang phải thi hành án chưa có điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc các con, nên nếu ly hôn anh đề nghị giao con cho chị Quang Thị N nuôi dưỡng, xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản và các khoản nợ: thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ, thể hiện quan điểm của mình trước các yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: xử cho chị Quang Thị N được ly hôn với anh Vi Văn M; về con: Giao hai con chung là Vi Thị HT, sinh ngày 03/6/2005 và Vi May Th, sinh ngày 02/8/2012 cho chị Quang

Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Vi Văn M; về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị Quang Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở đánh giá khách quan các chứng cứ tài liệu và lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay trong vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Vi Văn M đang thi hành án phạt tù tại trại giam không thể có mặt tham gia phiên tòa xét xử vụ án, do đó Tòa án căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét chị Quang Thị N và anh Vi Văn M đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau vài năm anh Vi Văn M nghiện ma túy, không chăm lo gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, chửi bới xúc phạm lẫn nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng sau mỗi lần hòa giải tình cảm vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2018 anh Vi Văn M bị Tòa án xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chị Quang Thị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nhung vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn M. Đối với bị đơn Vi Văn M hiện đang đi thi hành hình phạt tù tại Đội 3, Phân trại số 2, Trại giam NA thuộc xã T, huyện TP, tỉnh Quảng Trị nên vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án, anh trình bày hiện nay anh không đồng ý ly hôn, đợi khi nào thi hành án trở về thì sẽ giải quyết sau.

Xét thấy, giữa chị Quang Thị N và anh Vi Văn M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp

dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Quang Thị N được ly hôn với anh Vi Văn M.

[3] Về con chung: chị Nhung và anh May có hai người con chung tên là Vi Thị HT, sinh ngày 03/6/2005 và Vi May Th, sinh ngày 02/8/2012. Hiện nay cả hai cháu đang sống với chị Quang Thị N. Tại phiên tòa chị Quang Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Vi Văn M cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng, cháu Vi Thị HT, sinh ngày 03/6/2005 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng là được ở với mẹ là chị Quang Thị N để được chăm sóc tốt hơn vì hiện nay anh Vi Văn M đang đi thi hành án không có mặt ở nhà nên không thể chăm sóc giáo dục con và cháu Vi May Th, sinh ngày 02/8/2012 hiện đang còn nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn M cũng nhất trí giao con chung cho chị Quang Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi và khả năng phát triển bình thường của các cháu cần giao các cháu cho chị Quang Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn M.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Quang Thị N là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Quang Thị N được ly hôn với anh Vi Văn M.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Vi Thị HT, sinh ngày 03/6/2005 và Vi May Th, sinh ngày 02/8/2012 cho chị Quang Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Vi Văn M.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Quang Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo liên lai số 0001295 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- UBND xã C, huyện KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc